

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HNGĐ- ST
Ngày 29- 03- 2023.
V/v Ly hôn giữa chị C1- anh B1.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tòng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Hữu Thuần.

2. Bà Vũ Thị Dinh.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nhật Khánh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoàn.

Ngày 29- 03- 2023, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 05/2023/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2023 về việc Tranh chấp Hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 03 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị C1, sinh năm 1989; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi cư trú: Thôn V1, xã H1, huyện T1, tỉnh Thái Bình; Vắng mặt- Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh B1, sinh năm 1987; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn V1, xã H1, huyện T1, tỉnh Thái Bình;; Hiện đang thi hành án hình phạt tù tại: Trại giam X1, xã L1, huyện T2, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt- Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03- 01- 2023 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là chị C1 trình bày: Chị và anh B1 tổ chức lễ cưới ngày 19 tháng 12 năm 2010, khi anh chị đang làm ăn và sinh sống tại tỉnh Bình Dương. Sau khi chị sinh con thì anh chị về quê; anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn; đã được Ủy ban nhân dân xã T3 (nay là xã H1) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 21/2013 ngày 18 tháng 07 năm 2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình chồng.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tính không hợp nhưng vợ chồng vẫn chung sống cùng nhau. Ngày 14- 10- 2019, anh B1 bị bắt về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy; đã bị Toà án nhân dân huyện T2, thành phố Hải Phòng xử phạt 7 năm tù. Hiện nay, anh B1 đang chấp hành hình phạt tại đội xxx, phân trại xxx, Trại Giam X1 thuộc địa bàn xã L1, huyện T2, thành phố Hải Phòng. Chị xác định: Vợ chồng không còn tình cảm, không còn thương yêu nhau, không quan tâm chăm sóc nhau nữa nên chị có nguyện vọng xin ly hôn anh B1. Vợ chồng có 02 con chung là L2, sinh ngày 28 tháng 10 năm 2012; L3, sinh ngày 13 tháng 08 năm 2014. Hiện cả hai con chung đang sống cùng chị. Do anh B1 đang chấp hành án hình phạt tù nên chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh B1 cấp dưỡng nuôi con chung. Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không có ai nợ chung vợ chồng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai, đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt ngày 02- 02- 2023, bị đơn là anh B1 trình bày giống nguyên đơn về việc kết hôn, về quá trình chung sống, về con chung, về việc không có tài sản chung. Anh trình bày: Ngày 14- 10- 2019, anh bị bắt về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Hiện nay, vợ chồng không còn tình cảm nên anh đồng ý ly hôn. Vợ chồng có 02 con chung là L2, sinh ngày 28 tháng 10 năm 2012; L3, sinh ngày 13 tháng 08 năm 2014. Anh đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho chị C1 trực tiếp nuôi dưỡng; anh không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Anh không yêu cầu giải quyết. Anh đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh.

Tại đơn đề ngày 08- 03- 2023, con chung của anh chị là L2 có nguyện vọng ở với mẹ.

Tại đơn đề ngày 08- 03- 2023, con chung của anh chị là L3 có nguyện vọng ở với mẹ.

Do nguyên đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải; bị đơn vắng mặt có lý do chính đáng nên vụ án không tiến hành hòa giải được, phải đưa ra xét xử.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của tổ tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 25 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Kiểm sát viên đề nghị: Xử cho chị C1 ly hôn anh B1. Về con chung: Vợ chồng chị C1, anh B1 có hai con chung là L2, sinh ngày 28 tháng 10 năm 2012; L3, sinh ngày 13 tháng 08 năm 2014. Đề nghị giao hai con chung cho chị C1 trực tiếp nuôi dưỡng; anh B1 chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài

sản chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Chị C1 phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải, bị đơn vắng mặt có lý do chính đáng nên vụ án không tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự được. Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị C1 và anh B1 là tự nguyện và hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng không có biện pháp hòa giải nên khi anh bị bắt thì vợ chồng không còn thương yêu, không quan tâm chăm sóc nhau nữa. Như vậy, có căn cứ xác định vợ chồng chị C1 và anh B1 đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị C1 yêu cầu ly hôn, anh B1 đồng ý ly hôn. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho chị C1 ly hôn anh B1.

[3]. Về con chung: Vợ chồng chị C1 và anh B1 có hai con chung là L2, sinh ngày 28 tháng 10 năm 2012; L3, sinh ngày 13 tháng 08 năm 2014. Hiện cả hai con chung đang sống cùng chị C1. Chị C1, anh B1 đều có nguyện vọng giao cả hai con chung cho chị C1 trực tiếp nuôi dưỡng; hai con chung đều có nguyện vọng muốn ở với mẹ. Vì vậy, cần áp dụng Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình xử giao cả hai con chung cho chị C1 trực tiếp nuôi dưỡng. Chị C1 không yêu cầu anh B1 cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn đều không yêu cầu, không đặt ra giải quyết.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn là chị C1 phải chịu 300.000,đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 238; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị C1 ly hôn anh B1.

2. Về con chung:- Vợ chồng chị C1- anh B1 có 02 con chung là L2, sinh ngày 28 tháng 10 năm 2012; L3, sinh ngày 13 tháng 08 năm 2014.

-Xử giao hai con chung L2, sinh ngày 28 tháng 10 năm 2012 và L3, sinh ngày 13 tháng 08 năm 2014 cho chị C1 trực tiếp nuôi dưỡng. Chị C1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

-Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu, không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị C1 phải nộp toàn bộ 300.000, đồng án phí ly hôn; được trừ vào số tiền 300.000, đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0004365 ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án huyện T1, tỉnh Thái Bình. Chị C1 đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã H1, huyện T1, tỉnh Thái Bình;
- VKDND huyện T1;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tòng